

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Dự án: Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới)
xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Quy định về việc ủy quyền, phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Nghị Quyết số 25/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và sửa đổi, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 54/TTr-BGPMB ngày 25/3/2021; Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 71/SXD-HTKTTĐ ngày 23/03/2021; Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 255/BC-SKHĐT ngày 06/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: HĐND tỉnh Bình Định.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

4. Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định.

5. Mục tiêu đầu tư dự án: Từng bước triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; tạo quỹ đất phục vụ nhu cầu tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

6. Nội dung và quy mô đầu tư dự án:

6.1. San nền: Tổng diện tích đất san nền khoảng 14,1ha; cao độ san nền theo cao độ không chế tại các vị trí nút giao thông theo quy hoạch chi tiết được duyệt, chiều cao đắp trung bình 1,58m, độ chặt yêu cầu $K = 0,9$; vật liệu san nền bằng đất đồi tại núi Chà Rây thuộc xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn; số hiệu mỏ AN02, cự ly vận chuyển trung bình 20km.

6.2. Đường giao thông nội bộ: Phương án tuyến và cao độ đường đờ tuân thủ theo đồ án quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt với kết cấu nền, mặt đường, bó vỉa, vỉa hè như sau:

- Diện tích đường giao thông khoảng $S = 37,435m^2$;

- Công trình xây dựng đường giao thông nội bộ với quy mô đường phố nội bộ. Kết cấu $B = 120Mpa$; $B \geq 10m$, $E_{yc} \geq 140Mpa$.

- Đường 14m, $B_m = 7m$, $B_{vh} = 2 \times 3.5m$.

- Đường 20m, $B_m = 12m$, $B_{vh} = 2 \times 4m$.

- Đường 26m, $B_m = 14m$, $B_{vh} = 2 \times 5m$, $B_{dpc} = 2m$.

- Tốc độ thiết kế $V_{tt} = 30km/h$.

- Dốc ngang mặt đường: 2%. Dốc vỉa hè thiết kế: 1,0%.

a) Kết cấu mặt đường:

- Với đường $B_m < 10m$, diện tích $S = 9.676m^2$, $E_{yc} \geq 120Mpa$.

+ Đất đắp san nền đầm chặt $K=0,9$. Lớp đất đồi đầm chặt $K=0,95$ dày 50cm.

- + Lớp móng trên CPĐD loại 1 Dmax 25 dày 14cm đầm chặt K = 0,98.
- + Lớp móng dưới CPĐD loại 1 Dmax 37,5 dày 16cm đầm chặt K = 0,98.
- + Lớp BTN C19 dày 7cm.
- Với đường Bm \geq 10m, S = 27.759 m², Eyc \geq 140Mpa.
- + Đất đắp san nền đầm chặt K = 0,90.
- + Lớp đất đồi đầm chặt K = 0,95 dày 50cm.
- + Lớp móng dưới CPĐD loại 1 Dmax 25 dày 15cm đầm chặt K = 0,98.
- + Lớp móng trên CPĐD loại 1 Dmax 37,5 dày 30cm đầm chặt K = 0,98.
- + Lớp BTN C19 dày 7cm. Lớp BTN C12.5 dày 5cm.

b) Kết cấu bó vỉa, vỉa hè: Bó vỉa hè thiết kế đá Granite, vỉa hè lát bằng tấm lát BTXM KT 40x40x5cm trên lớp đệm cát dày 3cm.

c) Hồ trồng cây: Bố trí các hồ trồng cây xanh dọc theo vỉa hè các tuyến đường, với khoảng cách trung bình 10m/hố. Hồ trồng cây dùng ống buy D80cm, chiều sâu 1m, bên trong đắp đất hữu cơ.

d) An toàn giao thông:

- Biển báo và vạch sơn đường được bố trí tuân theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Vạch sơn làm bằng sơn phản quang dẻo chịu nhiệt dày 2mm, bao gồm vạch sơn phân làn, vạch chỉ hướng, vạch mép lề và vạch người đi bộ qua đường.

6.3. Thoát nước mưa:

a) Hệ thống thu gom nước mặt nội vùng thuộc dự án:

- Bao gồm các tuyến ống bê tông ly tâm đường kính từ D600 đến D1200, đoạn cuối tuyến giáp với cửa xả ra mương hiện trạng trên tuyến đường nội bộ ĐS19 bằng công hộp BTCT kích thước (2x2)m (*cống hộp BTCT đi trên nền đất xử lý bằng cọc tre mật độ 25cây/m², dài 2,5m*); công ngang qua đường loại H30, trên vỉa hè H10; dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ bố trí các hố ga thu nước khoảng cách từ 35m đến 50m (thu 2 bên đường).

- Điểm đầu nối hệ thống thu gom nước mặt nội vùng đầu nối tại 01 cửa xả ra tuyến mương hiện trạng, tiết diện đầu nối S = (2x2)m.

b) Hệ thống thu gom nước mặt ngoại vùng:

- Tuyến kênh tưới hiện trạng N2-3: Thay thế bằng tuyến cống D2.000 qua khu vực dự án (đã được Công ty TNHH KTCT Thủy lợi thỏa thuận).

- Tuyến mương chống ngập úng một số hộ dân hiện trạng giáp ranh với dự án: Hoàn trả tuyến mương thoát nước hiện trạng kích thước 0,4mx1,0m giáp ranh khu dân cư hiện trạng phía Bắc của dự án.

6.4. Thoát nước thải: Xây dựng đồng bộ trạm xử lý nước thải công suất 400m³/ngày, bao gồm các hạng mục công trình:

- Bao gồm tuyến ống thu gom nước bằng ống HDPE đường kính từ D150 đến D600 và hố ga thu nước bê tông đặt tại vị trí giữa các lô đất ở.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Xây dựng bể xử lý nước thải sinh hoạt công suất 400m³/ngày bằng BTCT kích thước 19,3x8,3x4,9m dạng nửa chìm nửa nổi trên nền đất tự nhiên.

- Bể đối chứng: Bằng BTCT kích thước 18,4x8,4x4,6m dạng ngầm đặt trên nền đất tự nhiên.

- Các công trình phụ trợ trạm xử lý: Tường rào công ngõ, nhà bảo vệ, nhà để xe, kho vật tư, nhà đặt máy phát điện và máy ép bùn, nhà hóa chất, nhà ở nhân viên, nhà làm việc loại một tầng tường xây gạch, móng, cột, dầm, sàn mái bằng BTCT đổ toàn khối.

- Công nghệ xử lý: sử dụng công nghệ vi sinh, nước thải đầu ra đảm bảo cột B theo Quy chuẩn 14:2008/BTNMT.

6.5. Cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy:

- Đầu nối vào mạng lưới cấp nước của huyện Tuy Phước: Đầu nối với ống hiện trạng HDPE DN250 trên vỉa hè đường ĐS2, tại ngã tư đường ĐS1 và đường ĐS2.

- Mạng lưới đường ống phân phối hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC bằng ống HDPE có đường kính từ DN50 đến DN150 áp lực thành ống PN10. Van và phụ kiện đường ống áp lực \geq PN10.

- Các đoạn ống đi qua đường được lồng bảo vệ bằng ống lồng BTCT hoặc ống STK.

- Cấp nước cứu hỏa: Các trụ lấy nước cứu hỏa đảm bảo khoảng cách theo tiêu chuẩn TCVN 33-2006 và TCVN 2622-1995, cách không quá 150m đặt một trụ cứu hỏa đường kính DN100 loại 3 cửa lấy nước, họng lớn trụ cứu hỏa quay ra mặt đường.

6.6. Hệ thống điện và điện chiếu sáng:

a) Phần di dời:

- Di dời hạ ngầm 1 tuyến điện 22kV hiện trạng nằm trong khu quy hoạch với chiều dài Lt = 369m.

- Di dời tuyến điện 0,4kV với chiều dài Lt = 439m.

- Di dời tuyến điện chiếu sáng với chiều dài Lt = 400m.

b) Phần xây dựng mới:

- Trạm biến áp: Xây dựng mới 04 trạm biến áp 3 pha: 03-TBA 400kVA 22/0,4kV; 01-TBA 100kVA-22/0,4kV kiểu búp sen đặt ngoài trời được đấu nối từ các tủ RMU xây dựng mới. Trạm biến áp xây dựng mới được đặt trên vỉa hè khu vực công viên cây xanh.

- Di dời và xây dựng mới đường dây 22kV đi ngầm cấp điện khu dân cư: Tổng chiều dài tuyến đường dây 22kV đi ngầm Lt = 975m.

- Đường dây 0,4kV.

- Xây dựng mới đi ngầm cáp điện khu dân cư: Tổng chiều dài tuyến đường dây 0,4kV đi ngầm Lt = 3.261m.

c) Điện chiếu sáng:

- Tổng chiều dài tuyến đường dây chiếu sáng đi ngầm Lt = 3.162m.

- Hệ thống cáp điện và điện chiếu sáng trong ranh giới quy hoạch được thiết kế đi ngầm trong hào kỹ thuật và đi trong mương cáp nền đất dưới vỉa hè.

- Đầu nối tuyến điện 22kV tại cột C34/27/31 XT 477 PSO sau khi quy hoạch trong ranh giới quy hoạch.

- Các tủ điện hạ thế xây dựng mới là loại tủ gồm 6 phụ tải được đặt trên vỉa hè sát mép chỉ giới xây dựng.

- Các trụ đèn chiếu sáng xây dựng mới đặt trên vỉa hè sát mép trong của bó vỉa với khoảng cột từ 30m đến 35m; đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm điện.

(Chi tiết nội dung và quy mô đầu tư xây dựng công trình theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định tại Văn bản số 71/SXD-HTKTTĐ ngày 23/3/2021).

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Giao thông Bình Định, Công ty TNHH Phát triển công nghệ Việt Long và Công ty TNHH tư vấn xây dựng L&T.

8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích sử dụng đất khoảng 14,1ha.

9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, dự án nhóm B, công trình cấp III.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn theo như thông báo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng Bình Định tại Văn bản số 71/SXD-HTKTTĐ ngày 23/03/2021.

11. Tổng mức đầu tư: 259.961.305.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, ba trăm lẻ năm nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 136.821.972.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 10.791.079.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 2.020.957.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 9.939.015.000 đồng;

- Chi phí khác : 3.910.255.000 đồng;
- Chi phí GPMB : 65.913.410.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 30.564.617.000 đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2020 - 2023.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Thực hiện theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Bình Định.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án chuyên ngành thực hiện quản lý dự án.

15. Yêu cầu nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

16. Nội dung khác:

- Trước, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đã được Sở Xây dựng Bình Định thẩm định nêu tại Văn bản số 71/SXD-HTKTTĐ ngày 23/03/2021.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện việc giám sát và đánh giá đầu tư dự án theo các quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp thu các ý kiến của cơ quan thẩm định, tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng